

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:49/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 9 - 2022

Về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Hoàng Thị Phụng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh **Khiếu Anh X**, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Ngõ 83, đường L, tổ 03-04, phường T, thành phố T1, tỉnh T1.
(*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Ngõ 83, đường L, tổ 03-04, phường T, thành phố T1, tỉnh T1
(*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Khiếu Anh X trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng H, kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 11 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T1, tỉnh

T1. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại ngõ 83, đường L, tổ 03-04, phường T, thành phố T1, tỉnh T1. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được anh X đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Khiếu Đức H1, sinh ngày 20/9/2004 và Khiếu Quang V, sinh ngày 13/6/2015. Hiện nay cả 2 con đang ở cùng chị H. Ly hôn anh và chị H thống nhất thỏa thuận chị H trực tiếp nuôi cả hai con chung, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh và chị H không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Tại bản tự khai bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Chị và anh Khiếu Anh X kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 11 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T1, tỉnh T1. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát hiện anh X bị nghiện chị đã cho anh đi cai nghiện, học nghề mong chồng kiếm tiền cùng chị nuôi con, nhưng cũng chỉ được thời gian ngắn anh X lại tái nghiện còn chơi lô đề, cờ bạc, vay nặng lãi. Chị đã phải đi vay mượn và phải bán nhà là tài sản chung vợ chồng để trả nợ thay cho anh, mặc dù vợ chồng chung sống với nhau 19 năm chị chỉ biết đi làm kiếm tiền chăm lo cho chồng con, động viên chồng cố gắng cai nghiện và đi làm nghề để vươn lên. Nhưng đến cuối năm 2021, anh X có quan hệ với người phụ nữ khác và đã bỏ nhà đi từ tháng 11/2021, đã nhiều lần chị gọi anh về để nói chuyện nhưng anh không về, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định hôn nhân giữa chị và anh X không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh X ly hôn, chấm dứt tình trạng hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Khiếu Anh X có 02 con chung là Khiếu Đức H1, sinh ngày 20/9/2004 và Khiếu Quang V, sinh ngày 13/6/2015, hiện cả hai con đang ở cùng chị. Ly hôn, trách nhiệm của anh X với các con giải quyết theo quy định.

Về tài sản chung: Tài sản chung vợ chồng tự chia, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Tại biên bản xác minh ngày 21/7/2022, ông Phan Văn H2 là tổ trưởng tổ dân phố 3-4, phường T, thành phố T1 cung cấp: Anh Khiếu Anh X và chị Nguyễn Thị Hồng H có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa phương theo địa chỉ ngõ 83, đường L, tổ 03-04, phường T, thành phố T1, tỉnh T1. Quá trình chung sống giữa anh X và chị H địa phương được biết giữa vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh X bị nghiện và nợ nần kinh tế

gia đình khó khăn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và kéo dài. Mức độ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh X chị H như thế nào địa phương không nắm rõ vì không ai thông báo với địa phương, khi có mâu thuẫn anh X không thấy ở nhà, không ở cùng với vợ con mà bỏ nhà đi khỏi địa phương. Nay anh X có đơn xin ly hôn chị H, đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các bên để giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh X và chị H có 02 con chung là Khiếu Đức H1, sinh ngày 20/9/2004 và Khiếu Quang V, sinh ngày 13/6/2015, hiện cả hai con đang ở cùng mẹ. Nếu anh X, chị H ly hôn đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các cháu và nguyện vọng của các bên để giải quyết. Về tài sản: Anh X và chị H có xây 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất thổ canh thuộc quản lý của UBND phường, chưa được cấp quyền sử dụng đất. Nguồn gốc tiền xây nhà hoặc có các tài sản khác không địa phương không rõ. Anh X và chị H có vay nợ chung gì hoặc cho ai vay địa phương không rõ.

* Tại biên bản xác minh ngày 21/7/2022, ông Khiếu Minh C, sinh năm 1942, trú tại: số nhà 05, ngõ 83, đường L, tổ 03-04, phường T, thành phố T1 (là bố đẻ của anh Khiếu Anh X) trình bày: Vợ chồng X H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống gần nhà ông ở ngõ 83, đường L, tổ 03-04, phường T, thành phố T1, tỉnh T1. Quá trình vợ chồng chung sống khoảng gần năm nay X bỏ nhà đi ở nơi khác, hiện chỉ có H và các con ở nhà. Gia đình xác định giữa vợ chồng X, H có mâu thuẫn, còn nguyên nhân cụ thể thế nào tôi không rõ. Nay X có đơn xin ly hôn H, quan điểm của gia đình đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của hai bên và quy định pháp luật để giải quyết. Về con chung: X và H có 02 con chung là Khiếu Đức H1, sinh ngày 20/9/2004 và Khiếu Quang V, sinh ngày 13/6/2015. Nếu vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các cháu và các bên để giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Quá trình chung sống X H có 01 ngôi nhà tại số nhà 03, ngõ 83, đường L, tổ 3-4, phường T, thành phố T1, tỉnh T1 nhưng nay đã bán. Hiện có làm nhà cấp 4 trên diện tích đất ao thuộc quản lý của UBND phường T và mẹ con H đang ở tại đây. Vợ chồng X, H có vay nợ chung hay không gia đình không rõ, gia đình không thấy ai đến đòi nợ.

* Tại biên bản ghi lời trình bày ngày 21/7/2022, cháu Khiếu Quang V, sinh ngày 13/6/2015 (là con chung của anh X, chị H) trình bày: Cháu là con của mẹ Nguyễn Thị Hồng H và bố Khiếu Anh X. Hiện cháu đang học lớp 2, trường tiểu học T, thành phố T1 và đang ở cùng với mẹ cháu, còn bố cháu đi làm và ở nơi khác không có ở nhà. Cháu được mẹ cháu chăm sóc chu đáo. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu.

* Tại biên bản lấy lời trình bày ngày 21/7/2022, cháu Khiếu Đức H1, sinh ngày 20/9/2004 (là con chung của anh X, chị H) trình bày: Cháu là con của mẹ Nguyễn Thị Hồng H và bố Khiếu Anh X. Hiện cháu đã thi tốt nghiệp trung học phổ thông đang ở cùng với mẹ và em, còn bố đang đi làm ở nơi khác không có ở

nhà, cháu được mẹ cháu chăm sóc chu đáo. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu.

** Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Khiếu Anh X và chị Nguyễn Thị Hồng H.

Về con chung: Giao 02 con chung là Khiếu Đức H1, sinh ngày 20/9/2004 và Khiếu Quang V, sinh ngày 13/6/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh X cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/01con đến khi con Hùng, con Vinh đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nhưng nguyên đơn anh Khiếu Anh X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Khiếu Anh X và chị Nguyễn Thị Hồng H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương và gia đình phù hợp với lời khai các bên, thể hiện sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp về tính cách, bất đồng với nhau về quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt dẫn đến vợ chồng có va chạm, cãi vã, mất lòng tin với nhau mâu thuẫn căng thẳng kéo dài không tự dàn xếp được. Từ tháng 11/2021, anh X bỏ nhà đi ở nơi khác, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo phiên hòa giải mục đích để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do, anh X làm đơn từ chối hòa giải thể hiện các bên đều không có thiện chí đoàn tụ. Như

vậy, hôn nhân giữa anh Khiếu Anh X và chị Nguyễn Thị Hồng H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Khiếu Anh X ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng H là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Khiếu Anh X và chị Nguyễn Thị Hồng H có 02 con chung là Khiếu Đức H1, sinh ngày 20/9/2004 và Khiếu Quang V, sinh ngày 13/6/2015. Hiện nay cả 2 con đang ở cùng chị H, được mẹ chăm sóc chu đáo, học hành ổn định. Hai cháu Hùng và Vinh có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Vì vậy giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi và phù hợp nguyện vọng của con chưa thành niên.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không trình bày quan điểm cụ thể về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh X tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/01 con đến khi hai con chung đủ 18 tuổi, nên chấp nhận là phù hợp.

[5] Về tài sản: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Anh X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147, Điều 235; 238; 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Khiếu Anh X và chị Nguyễn Thị Hồng H.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Khiếu Đức H1, sinh ngày 20/9/2004 và Khiếu Quang V, sinh ngày 13/6/2015 cho chị Nguyễn Thị Hồng H. trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Khiếu Anh X cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi con 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/01tháng, hai con là 3.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 9/2022 đến khi mỗi con trưởng thành 18 tuổi. Anh X có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Khiếu Anh X phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cộng là 600.000 đồng, anh X đã nộp 300.000 đồng, còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

(Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Khiếu Anh X đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo biên lai thu số 0000646 ngày 01/6/2022 để thi hành án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Anh Khiếu Anh X và chị Nguyễn Thị Hồng H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình.
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình).
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Sơn